

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 01 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Sự Nghiệp.

2. Bà Lò Củi Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 02/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cư Thị M, năm sinh 1988.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Thào Seo X, năm sinh 1991.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang chấp hành án hình phạt tù tại: Phân trại số 3, đội 29, Trại giam T - Cục C10 Bộ Công an; Địa chỉ: Xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cư Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cư Thị M và anh Thào Seo X tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 09/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì anh X vi phạm pháp

luật bị bắt tạm giam về hành vi phạm tội mua bán người, sau đó anh X bị Tòa án xử phạt mức án 08 năm tù. Đến tháng 8/2020, anh X đi chấp hành án tại trại giam T. Khi anh X đi chấp hành án chị M có đến thăm hai lần vào năm 2023. Từ sau đó, thỉnh thoảng anh chị mới nói chuyện điện thoại với nhau. Do đã xa nhau một thời gian khá dài nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không gặp nhau, không ở cùng nhau trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân các cháu cũng bị mặc cảm do anh X vi phạm pháp luật bị đi tù, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X để đảm bảo cuộc sống riêng của chị.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh Thảo Seo X chỉ có ba người con chung là cháu Thảo Thị P, sinh ngày 10/02/2009, cháu Thảo Chấn M, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Thảo Nguyên C, sinh ngày 13/12/2018. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P, cháu M và cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu P, cháu M và cháu C không được ai tặng cho, thừa kế tài sản gì. Hiện nay chị M và ba con đang ở tại nhà của vợ chồng chị M tại thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai, nghề nghiệp của chị M là làm nghề tự do (làm ruộng, làm thuê ...), thu nhập của chị M hiện nay một tháng khoảng 8.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi ba con ăn học, bản thân hai cháu lớn đều được Nhà nước hỗ trợ cho tiền ăn học và ở bán trú. Còn anh X đang chấp hành án tại trại giam T nên không có thu nhập.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại Bản tự khai ngày 22/11/2024 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn anh Thảo Seo X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh X nhất trí với chị M đã trình bày về thời gian chung sống, kết hôn, nơi cư trú của anh X, chị M và ba con của anh chị. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh X bị xét xử về tội mua bán người và bị Tòa án xét xử 8 năm tù giam, hiện nay anh X đang chấp hành án phạt tù tại đội 29, phân trại số 3, Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Nay chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh thì anh X không đồng ý vì anh X vẫn còn tình cảm với chị M và muốn sau khi chấp hành xong án phạt tù trở về để chăm sóc cho gia đình. Tuy nhiên, ngày 24/12/2024 khi Tòa án tiến hành lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì anh X trình bày là anh X đồng ý ly hôn với chị M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P, cháu M và cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thì anh X hoàn toàn nhất trí, vì anh X đang ở trại giam nên không có điều kiện nuôi con được. Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Thảo Thị P và cháu Thảo Chấn M đều trình bày: Nếu bố mẹ để cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của hai cháu được ở với mẹ, vì mẹ đẻ của hai cháu là người quan tâm chăm sóc hai cháu về mọi mặt, còn bố đẻ hai cháu đã không ở cùng với mẹ con cháu từ năm 2020 cho đến nay.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại các Điều 97, 98, 207, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử theo hướng:

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Cur Thị M, cho chị M được ly hôn anh Thào Seo X.

- Về con: Giao các cháu Thào Thị P, sinh ngày 10/02/2009, cháu Thào Chấn M, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Thào Nguyên C, sinh ngày 13/12/2018 cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

- Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ Luật TTDS, Nghị quyết 236 của UBTVQH ngày 30/12/2016 tuyên về án phí đối với các đương sự.

- Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

4.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh X là hợp pháp. Qua lời khai của chị M và anh X, thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh X bị xét xử về tội mua bán người và bị Tòa án xét xử 8 năm tù giam, hiện nay anh X

đang chấp hành án tại Trại giam T. Khi anh X đi chấp hành án chị M có đến thăm hai lần vào năm 2023, sau đó thỉnh thoảng anh chị mới nói chuyện điện thoại với nhau, do đã xa nhau một thời gian khá dài nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không gặp nhau, không ở cùng nhau trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm giữa chị M đối với anh X không còn, bản thân anh X cũng đồng ý ly hôn với chị M, nên việc chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị M và anh X chung sống với nhau chỉ có 03 con chung là cháu Thảo Thị P, cháu Thảo Chấn M và cháu Thảo Nguyên C. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì chị M có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng ba con chung bình thường - thu nhập của chị M hiện nay một tháng khoảng 8.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi ba con ăn học, hai cháu lớn đều được Nhà nước hỗ trợ cho tiền ăn học và ở bán trú, bản thân cháu P và cháu M đều có nguyện vọng là được ở với chị M, vì chị M là người quan tâm chăm sóc các cháu về mọi mặt. Từ ngày anh X đi chấp hành án tại trại giam T thì cháu P, cháu M và cháu C ở cùng với chị M, cháu P, cháu M và cháu C luôn được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt bình thường, nên chị M sẽ chăm sóc cháu P, cháu M và cháu C tốt về mọi mặt. Bản thân anh X cũng hoàn toàn nhất trí cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P, cháu M và cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vì anh X đang ở trại giam nên không có điều kiện nuôi con được. Vì vậy, việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P, cháu M và cháu C cho đến khi cháu P, cháu M và cháu C đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh X.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cư Thị M và anh Thào Seo X. Quan hệ hôn nhân của chị Cư Thị M và anh Thào Seo X được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Thào Thị P, sinh ngày 10/02/2009, cháu Thào Chấn M, sinh ngày 01/7/2012 và cháu Thào Nguyên C, sinh ngày 13/12/2018 cho chị Cư Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P, cháu M và cháu C đủ 18 tuổi. Anh Thào Seo X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Cư Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004852 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Mường Khương (2);
- CCTHADS huyện Mường Khương;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duyệt Toán